

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền;

Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Toàn T, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 13/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Toàn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị A tiến tới hôn nhân vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1988 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị A.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị A có 06 con chung tên Nguyễn Toàn T, sinh năm 1977, Nguyễn Thời T, sinh năm 1979 (đã chết năm 2009), Nguyễn Thành N, sinh năm 1983, Nguyễn Trần D, sinh năm 1987, Nguyễn Trần S, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992, hiện các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ghi ngày 13/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị A trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh Nguyễn Toàn T về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung. Nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Toàn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Toàn T có 06 con chung tên Nguyễn Toàn T, sinh năm 1977, Nguyễn Thời T, sinh năm 1979 (đã chết năm 2009), Nguyễn Thành N, sinh năm 1983, Nguyễn Trần D, sinh năm 1987, Nguyễn Trần S, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992, hiện các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Trần Thị A cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Toàn T và chị Trần Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Nguyễn Toàn T và chị Trần Thị A chung sống như vợ chồng kể từ năm 1976. Mặc dù cả hai không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 quy định “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình”, Nghị quyết số 35/2000/QH10 chưa bị thay thế, bãi bỏ nên vẫn còn giá trị pháp lý. Do đó quan hệ vợ

chồng của anh Nguyễn Toàn T và chị Trần Thị A là hôn nhân thực tế. Nay anh Nguyễn Toàn T có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Toàn T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị Trần Thị A không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Toàn T và chị Trần Thị A tiến tới hôn nhân vào năm 1976, trong quá trình chung sống vợ chồng của anh Nguyễn Toàn T và chị Trần Thị A có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Mặt khác, tại phiên tòa chị Trần Thị A đã thể hiện rằng chị vẫn còn tình cảm với anh Nguyễn Toàn T, bày tỏ nguyện vọng tha thiết xin đoàn tụ để hàn gắn hôn nhân. Vì vậy, Tòa án cũng tạo điều kiện cho hai bên đương sự có thời gian cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Toàn T đối với chị Trần Thị A.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên các yêu cầu của anh Nguyễn Toàn T nên về con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Toàn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Tuy nhiên, ông anh Nguyễn Toàn T, sinh năm 1955 thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định cho anh Nguyễn Toàn T được miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Toàn T về việc xin ly hôn với chị Trần Thị A.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thúy